



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 27/TCO- CBTT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2025
HCM city, April 29, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN
CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM

DISCLOSURE OF INFORMATION ON
THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S PORTAL

Kính gửi/ To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức / Organization name: **CÔNG TY CỔ PHẦN TCO HOLDINGS**

- Mã chứng khoán/ Security Symbol: TCO
- Địa chỉ trụ sở chính/ Address: Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại/ Telephone: 076 806 4686
- Người thực hiện công bố thông tin/ Submitted by: Ông/ Mr. Bùi Lê Quốc Bảo

Loại thông tin công bố : ☒ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

Information disclosure type: ☒ Periodic ☐ Irregular ☐ 24 hours ☐ On demand

2. Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):

Báo cáo tài chính quý I/2025 hợp nhất của công ty cổ phần TCO Holdings/ Consolidated financial statements for Q1/2025 of TCO Holdings Joint Stock Company.

3. Công ty đã đăng tải các tài liệu này trên website tại địa chỉ: <https://tcoholdings.vn/vn/quan-he-nha-dau-tu.html>. We have also posted these documents on our website at: <https://tcoholdings.vn/vn/quan-he-nha-dau-tu.html>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ We declare that all information provided in this paper is true and accurate; we shall be legally responsible for any misrepresentation.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE



Bùi Lê Quốc Bảo

Công ty Cổ phần TCO Holdings

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025

Công ty Cổ phần TCO Holdings

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	5 - 6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 36

Công ty Cổ phần TCO Holdings

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần TCO Holdings ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH & ĐT") Thành phố Hải Phòng cấp ngày 14 tháng 3 năm 2008, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 09/2012/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 27 tháng 2 năm 2012.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là tư vấn quản lý, dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy, bán buôn gạo và cho thuê văn phòng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hoàng Nam	Chủ tịch
Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Thành viên
Ông Trần Anh Dũng	Thành viên độc lập

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HĐQT

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Anh Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Lê Quốc Bảo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Lê Quốc Bảo - Tổng Giám đốc.

Công ty Cổ phần TCO Holdings

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần TCO Holdings ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Bùi Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 4 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		674.420.734.711	1.073.301.920.936
110	I. Tiền	5	18.911.281.639	29.110.332.812
111	1. Tiền		18.911.281.639	29.110.332.812
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		5.100.000.000	61.988.390.833
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	5.100.000.000	61.988.390.833
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		423.429.349.477	894.263.611.991
131	1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	7	179.087.878.793	664.257.091.366
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	275.393.888	223.359.643.052
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	9	244.066.076.796	6.646.877.573
140	IV. Hàng tồn kho	10	220.083.930.112	71.876.914.467
141	1. Hàng tồn kho		220.083.930.112	71.876.914.467
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.896.173.483	16.062.670.833
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	807.741.449	1.142.523.475
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	6.088.432.034	14.920.147.358
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		689.112.105.710	880.025.223.732
210	I. Khoản phải thu dài hạn		511.342.260	511.342.260
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	511.342.260	511.342.260
220	II. Tài sản cố định		115.626.711.745	172.576.320.133
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	97.523.630.164	144.156.793.987
222	Nguyên giá		113.602.803.582	186.861.497.399
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(16.079.173.418)	(42.704.703.412)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	18.103.081.581	28.419.526.146
228	Nguyên giá		18.200.000.000	29.520.084.277
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(96.918.419)	(1.100.558.131)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	564.489.119.036	565.914.291.827
231	Nguyên giá		568.735.700.622	568.735.700.622
232	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.246.581.586)	(2.821.408.795)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		6.828.682.725	7.334.256.597
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		6.828.682.725	7.334.256.597
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		-	1.000.000.000
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	1.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.656.249.944	132.689.012.915
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.656.249.944	1.835.291.041
269	2. Lợi thế thương mại	15	-	130.853.721.874
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.363.532.840.421	1.953.327.144.668

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		993.461.993.211	1.616.392.102.481
310	I. Nợ ngắn hạn		421.268.740.759	1.027.033.408.617
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	246.594.570.000	361.989.289.008
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	117.260.993.280	305.369.419.585
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	7.727.350.345	14.733.114.737
314	4. Phải trả người lao động		357.265.495	498.798.505
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	173.249.628	10.747.944.393
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		2.766.829.275	115.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	29.877.336.119	18.568.695.772
320	8. Vay ngắn hạn	21	15.031.536.000	313.531.536.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.479.610.617	1.479.610.617
330	II. Nợ dài hạn		572.193.252.452	589.358.693.864
338	1. Vay dài hạn	21	571.677.376.000	575.810.260.000
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		515.876.452	13.548.433.864
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		370.070.847.210	336.935.042.187
410	I. Vốn chủ sở hữu		370.070.847.210	336.935.042.187
411	1. Vốn cổ phần	22.1	313.206.220.000	313.206.220.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		313.206.220.000	313.206.220.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.1	56.561.206.703	23.337.835.207
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		23.337.835.207	2.063.725.736
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		33.223.371.496	21.274.109.471
429	3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	22.5	303.420.507	390.986.980
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.363.532.840.421	1.953.327.144.668

Nguyễn Việt Anh
Người lập

Nguyễn Thế An
Kế toán trưởng


Bùi Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 29 tháng 4 năm 2025

Công ty Cổ phần TCO Holdings

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ báo cáo		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	
			Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	23.1	488.387.199.375	492.303.240.468	488.387.199.375	492.303.240.468
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	24	476.523.689.622	472.178.899.142	476.523.689.622	472.178.899.142
20	3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		11.863.509.753	20.124.341.326	11.863.509.753	20.124.341.326
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	47.724.897.683	2.094.688.039	47.724.897.683	2.094.688.039
22	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	25	13.730.636.925 13.730.636.925	8.810.491.048 8.810.491.048	13.730.636.925 13.730.636.925	8.810.491.048 8.810.491.048
25	6. Chi phí bán hàng	26	74.925.390	2.107.569.500	74.925.390	2.107.569.500
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	8.534.164.298	6.403.748.198	8.534.164.298	6.403.748.198
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		37.248.680.823	4.897.220.619	37.248.680.823	4.897.220.619
31	9. Thu nhập khác	28	2.600.000.001	7.325.365.792	2.600.000.001	7.325.365.792
32	10. Chi phí khác		20.417.404	1.404.764	20.417.404	1.404.764
40	11. Lợi nhuận khác		2.579.582.597	7.323.961.028	2.579.582.597	7.323.961.028
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		39.828.263.420	12.221.181.647	39.828.263.420	12.221.181.647
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	6.603.159.408	3.478.329.342	6.603.159.408	3.478.329.342

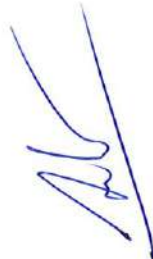
Công ty Cổ phần TCO Holdings

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ báo cáo		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	
			Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024	Năm nay	Năm trước
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		33.225.104.012	8.742.852.305	33.225.104.012	8.742.852.305
61	16. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		33.223.371.496	8.668.097.769	33.223.371.496	8.668.097.769
62	17. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát		1.732.516	74.754.536	1.732.516	74.754.536
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	22.4	1.061	463	1.061	463
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	22.4	1.061	463	1.061	463



Nguyễn Việt Anh
Người lập



Nguyễn Thế An
Kế toán trưởng



Bùi Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		39.828.263.420	12.221.181.647
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") (bao gồm phần bổ lợi thể thương mại)		9.152.646.969	2.269.324.430
03	Các khoản dự phòng		-	(1.554.573.920)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(47.724.897.683)	(9.419.032.880)
06	Chi phí lãi vay		13.730.636.925	8.810.491.048
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		14.986.649.631	12.327.390.325
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(48.779.264.929)	37.345.661.242
10	Tăng hàng tồn kho		(148.207.015.645)	(295.736.462.238)
11	Tăng các khoản phải trả		90.587.266.485	250.212.583.025
12	Giảm chi phí trả trước		654.763.119	4.409.513.415
14	Tiền lãi vay đã trả		(7.121.077.363)	(8.810.491.048)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(7.148.547.960)	(3.184.239.884)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(105.027.226.662)	(3.436.045.163)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ		(16.340.616.725)	(7.179.288.193)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		-	8.650.000.000
23	Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(209.000.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		66.550.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, hợp tác kinh doanh		101.161.644	10.271.233
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		50.310.544.919	(207.519.016.960)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
33	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền thu từ đi vay		47.200.000.000	478.520.500.000
	Tiền trả nợ gốc vay		(2.682.369.430)	(234.659.634.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		44.517.630.570	243.860.866.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(10.199.051.173)	32.905.803.877
60	Tiền đầu kỳ		29.110.332.812	3.732.860.044
70	Tiền cuối kỳ	5	18.911.281.639	36.638.663.921


Nguyễn Việt Ảnh
Người lập


Nguyễn Thế An
Kế toán trưởng


Bùi Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 4 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần TCO Holdings ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH & ĐT") Thành phố Hải Phòng cấp ngày 14 tháng 3 năm 2008, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 09/2012/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 27 tháng 2 năm 2012.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là tư vấn quản lý, dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy, bán buôn gạo và cho thuê văn phòng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Số lượng công nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 là 81 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 88 người).

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2025, Công ty có ba (3) công ty con trực tiếp và hai (2) công ty con gián tiếp như sau:

Công ty	Trụ sở	Hoạt động	Ngày 31 tháng 3 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
			%		%	
			Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần TCO Logistics	Thành phố Hồ Chí Minh ("TP. HCM")	Dịch vụ logistic và vận tải	99,96	99,96	99,96	99,96
Công ty Cổ phần TCO Agri	TP. HCM	Buôn bán gạo	99,96	99,96	99,95	99,95
Công ty Cổ phần TCO Real Estate	TP. HCM	Kinh doanh bất động sản	99,99	99,99	99,99	99,99
Công ty TNHH Một thành viên TCO Logistics (tên cũ: Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải An Gia)	TP. HCM	Dịch vụ logistic và vận tải	99,96	100,00	99,96	100,00
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An	Tỉnh An Giang	Buôn bán gạo	0,00	0,00	99,96	100,00
Công ty TNHH Đầu tư Enterprise	TP. HCM	Kinh doanh bất động sản	99,99	100,00	99,99	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 và kết thúc ngày 30 tháng 9. Năm tài chính đầu tiên áp dụng chuyển đổi bắt đầu từ 1 tháng 1 năm 2025 và kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	Giá gốc thành phẩm áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.
--	---	--

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các quyền sử dụng đất

Các quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của các quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được trích hao mòn theo thời hạn thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	20 - 45 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	11 - 20 năm
Máy móc thiết bị	2 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 5 năm
Khác	5 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Bất động sản đầu tư* (tiếp theo)

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Nhà cửa	50 năm
Tài sản khác	3 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng; và
- ▶ Chi phí nâng cấp tài sản đi thuê.

3.11 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí đất, chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.12 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại* (tiếp theo)

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là không quá mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.13 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 *Thông tin theo bộ phận*

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.16 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của HĐQT và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Quỹ phát triển thị trường

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng và phát triển thị trường kinh doanh của Nhóm Công ty.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

Mua lại toàn bộ nhà xưởng và chuyển nhượng cổ phần trong Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An

Cuối năm 2024, Nhóm Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất, nhà xưởng và máy móc thiết bị từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An ("Nam An") về cho Công ty Cổ phần TCO Agri.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Nam An cho các đối tác với tổng giá phí là 300.000.000.000 VND. Theo đó, chênh lệch giữa giá chuyển nhượng và giá trị tài sản thuần trong Nam An thuộc sở hữu của Nhóm Công ty tại ngày này là 47.365.014.924 VND đã ghi nhận vào doanh thu tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (*Thuyết minh số 23*).

5. TIỀN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền mặt	172.509.581	112.366.263
Tiền gửi ngân hàng	18.738.772.058	28.997.966.549
TỔNG CỘNG	<u>18.911.281.639</u>	<u>29.110.332.812</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	5.100.000.000	61.988.390.833
Dài hạn		
Trái phiếu	-	1.000.000.000
TỔNG CỘNG	5.100.000.000	62.988.390.833

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn dưới mười hai (12) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất 4,0%/năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty TNHH Đầu tư Quang Khải	77.158.000.000	122.917.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Hội	60.569.300.000	103.857.000.000
Công ty cổ phần Quốc tế Gia	24.417.005.144	-
Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Tháp	-	157.498.166.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Hòa Hiệp	199.800.000	143.205.500.000
Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Lương Thực Phúc Khang	38.610.000	86.040.500.000
Các khách hàng khác	16.705.163.649	50.738.925.366
TỔNG CỘNG	179.087.878.793	664.257.091.366

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Hồng Phát	-	61.188.250.000
Công ty Cổ phần SG Gravity	-	17.007.300.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Đầu tư Vạn Thiên Phát	-	13.203.000.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu An Huy	-	57.295.705.250
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Hòa Hiệp	-	39.663.240.000
Công ty TNHH Nông Sản Phúc Thịnh	-	31.242.261.200
Khác	275.393.888	3.759.886.602
TỔNG CỘNG	275.393.888	223.359.643.052

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	244.066.076.796	6.646.877.573
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần Nam An (*)	233.450.000.000	-
Cổ tức	10.278.000.000	-
Phải thu tiền đặt cọc của khách thuê văn phòng	-	5.986.485.916
Khác	338.076.796	660.391.657
Dài hạn	511.342.260	511.342.260
Ký quỹ	511.342.260	511.342.260
TỔNG CỘNG	244.577.419.056	7.158.219.833

(*) Đến ngày 3 tháng 4 năm 2025, Nhóm Công ty đã nhận được toàn bộ tiền chuyển nhượng cổ phần của Nam An từ các đối tác.

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Nguyên liệu	4.631.484.500	-
Hàng hóa	-	28.704.705.391
Hàng gửi đi bán	127.258.047.082	32.179.222.688
Thành phẩm	88.089.069.169	10.935.837.209
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	105.329.361	57.149.179
TỔNG CỘNG	220.083.930.112	71.876.914.467

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	807.741.449	1.142.523.475
Bảo hiểm	517.487.621	694.431.276
Công cụ, dụng cụ	130.324.097	240.191.051
Khác	159.929.731	207.901.148
Dài hạn	1.656.249.944	1.835.291.041
Công cụ, dụng cụ	1.206.005.380	1.284.572.664
Chi phí cải tạo văn phòng	259.203.896	302.524.737
Khác	191.040.668	248.193.640
TỔNG CỘNG	2.463.991.393	2.977.814.516

Công ty Cổ phần TCO Holdings

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Khác	Tổng cộng
					VND
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	42.594.381.828	81.227.733.044	62.919.382.527	120.000.000	186.861.497.399
Mua mới	-	-	6.440.000.000	-	6.440.000.000
Thoái vốn công ty con	(26.744.381.828)	(52.954.311.989)	-	-	(79.698.693.817)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025	15.850.000.000	28.273.421.055	69.359.382.527	120.000.000	113.602.803.582
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(6.283.501.256)	(24.011.618.778)	(12.350.293.052)	(59.290.323)	(42.704.703.409)
Khấu hao trong kỳ	(629.616.535)	(2.118.800.495)	(1.283.246.538)	(7.405.713)	(4.039.069.281)
Thoái vốn công ty con	6.496.385.103	24.168.214.169	-	-	30.664.599.272
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025	(416.732.688)	(1.962.205.104)	(13.633.539.590)	(66.696.036)	(16.079.173.418)
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	36.310.880.572	57.216.114.266	50.569.089.475	60.709.677	144.156.793.990
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025	15.433.267.312	26.311.215.951	55.725.842.937	53.303.964	97.523.630.164

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày ngày 31 tháng 3 năm 2025 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND
Quyền sử dụng đất

Nguyên giá:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	29.520.084.277
Thanh lý công ty con	(11.320.084.277)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025	18.200.000.000

Giá trị hao mòn lũy kế:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(1.100.558.131)
Hao mòn trong kỳ	(53.579.289)
Thanh lý công ty con	1.057.219.001
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025	(96.918.419)

Giá trị còn lại:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	28.419.526.146
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025	18.103.081.581

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VND

	Nhà cửa và quyền sử dụng đất	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu kỳ và cuối kỳ	560.000.000.000	8.735.700.622	568.735.700.622
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(1.375.000.002)	(1.446.408.793)	(2.821.408.795)
Tăng trong kỳ	(687.500.001)	(737.672.790)	(1.425.172.791)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025	2.062.500.003	2.184.081.583	4.246.581.586
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	558.624.999.998	7.289.291.829	565.914.291.827
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025	557.937.499.997	6.551.619.039	564.489.119.036
Trong đó:			
Tài sản cầm cố, thế chấp (thuyết minh số 21)	557.937.499.997	-	557.937.499.997

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày ngày 31 tháng 3 năm 2025 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND
Nam An

Nguyên giá:

Ngày 31 tháng 12 năm 2024	145.393.024.305
Thoái vốn công ty con	(145.393.024.305)
Ngày 31 tháng 3 năm 2025	-

Phân bổ lũy kế:

Ngày 31 tháng 12 năm 2023	(14.539.302.431)
Phân bổ trong kỳ	(3.634.825.608)
Thoái vốn công ty con	18.174.128.039
Ngày 31 tháng 3 năm 2025	-

Giá trị còn lại:

Ngày 31 tháng 12 năm 2024	145.393.024.305
Ngày 31 tháng 3 năm 2025	-

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty cổ phần Tập đoàn Nam An	64.268.072.597	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Vi	48.394.000.000	122.834.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Hội	39.901.750.000	94.254.750.000
Công ty Cổ phần SG Gravity	29.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Sản xuất Khánh Tường	-	43.958.000.000
Công ty Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông sản Văn Dững	-	40.738.065.700
Khác	64.730.747.403	60.204.473.308
TỔNG CỘNG	246.594.570.000	361.989.289.008

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An	39.367.000.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Hồng Phát	38.878.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thuận Minh	12.357.301.430	134.999.525.725
Công ty Cổ phần Quốc Tế Gia	-	109.436.923.860
Khác	39.015.993.280	84.577.175.710
TỔNG CỘNG	117.260.993.280	305.369.419.585

Công ty Cổ phần TCO Holdings

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giảm do thoái vốn	VND Ngày 31 tháng 3 năm 2025
Phải nộp					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.202.349.688	6.603.159.858	(7.148.547.960)	(7.054.259.603)	6.602.701.983
Thuế giá trị gia tăng	332.749.802	5.582.352.648	(4.819.535.796)	-	1.095.566.654
Thuế thu nhập cá nhân	70.969.890	109.673.326	(151.561.508)	-	29.081.708
Thuế khác	127.045.357	25.287.245	(152.332.602)	-	-
TỔNG CỘNG	14.733.114.737	12.320.473.077	(12.271.977.866)	(7.054.259.603)	7.727.350.345
Phải thu					
Thuế giá trị gia tăng	14.920.147.358	5.202.254.544	(3.874.692.622)	(10.159.277.246)	6.088.432.034

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Dự phòng lỗ các hợp đồng bán hàng	-	2.600.000.000
Chi phí lãi vay	-	625.965.874
Khác	173.249.628	7.521.978.519
TỔNG CỘNG	173.249.628	10.747.944.393

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Cổ tức phải trả	579.993.500	563.393.500
Ký quỹ đã nhận	5.130.227.348	5.108.227.348
Lãi vay phải trả	15.235.907.199	8.626.347.637
Phải trả khác	8.931.145.072	4.270.692.327
TỔNG CỘNG	29.877.336.119	18.568.660.812
Trong đó:		
- Phải trả các bên khác	26.281.337.447	14.306.966.485
- Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)	3.587.358.672	4.261.694.327

Công ty Cổ phần TCO Holdings

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

21. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giảm do thoái vốn	Ngày 31 tháng 3 năm 2025
Ngắn hạn	313.531.536.000	48.700.000.000	(49.485.430)	(347.150.514.570)	15.031.536.000
Vay ngân hàng	300.000.000.000	47.200.000.000	(49.485.430)	(347.150.514.570)	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22.2)	13.531.536.000	1.500.000.000	-	-	15.031.536.000
Dài hạn	575.810.260.000	-	(4.132.884.000)	-	571.677.376.000
Vay cá nhân (Thuyết minh số 22.1)	270.926.000.000	-	-	-	270.926.000.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.2)	304.884.260.000	-	(4.132.884.000)	-	300.751.376.000
TỔNG CỘNG	889.341.796.000	48.700.000.000	(4.182.369.430)	(347.150.514.570)	586.708.912.000

21.1 Vay dài hạn cá nhân

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ cá nhân được trình bày như sau:

Cá nhân	Số cuối kỳ (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất (%/hăm)	Hình thức đảm bảo
Châu Văn Lương	90.000.000.000	Ngày 24 tháng 6 năm 2026	Mua phần vốn góp Enterprise	10,0%	Tín chấp
Trần Thanh Vũ	89.480.000.000	Ngày 25 tháng 6 năm 2026	Mua phần vốn góp Enterprise	10,0%	Tín chấp
Liêm Chánh Thái	83.000.000.000	Ngày 22 tháng 7 năm 2026	Mua phần vốn góp Enterprise	10,0%	Tín chấp
Liêm Chánh Thái	8.446.000.000	Ngày 17 tháng 6 năm 2026	Nhu cầu vốn lưu động	10,0%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	270.926.0000000				

Công ty Cổ phần TCO Holdings

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.2 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối kỳ (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đăng Nai					
Khoản vay 1	4.079.162.000	Từ ngày 27 tháng 6 năm 2025 đến ngày 5 tháng 9 năm 2026	Mua phương tiện vận tải	9,5	PT vận tải thuộc sở hữu của TNHH MTV TCO Logistics
Khoản vay 2	988.000.000	Từ ngày 27 tháng 6 năm 2025 đến ngày 5 tháng 3 năm 2027	Mua phương tiện vận tải	9,5	PT vận tải thuộc sở hữu của TNHH MTV TCO Logistics
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2					
Khoản vay 1	5.810.000.000	Từ ngày 27 tháng 4 năm 2025 đến ngày 29 tháng 6 năm 2029	Đầu tư đóng mới sà lan	9,9	PT vận tải thuộc sở hữu của TNHH MTV TCO Logistics
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7 – Thành phố Hồ Chí Minh					
Khoản vay 1	2.545.000.000	Từ ngày 25 tháng 4 năm 2025 đến ngày 29 tháng 6 năm 2029	Đầu tư đóng mới sà lan	12,5	PT vận tải thuộc sở hữu của TNHH MTV TCO Logistics
Khoản vay 2	297.000.000.000	Từ ngày 25 tháng 6 năm 2025 đến ngày 27 tháng 6 năm 2039	Mua phần vốn góp Enterprise	6,5	Tòa nhà Enterprise Tower
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Việt Nam Hiện Đại					
Khoản vay 1	5.360.750.000	Từ ngày 26 tháng 4 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2030	Đầu tư đóng mới sà lan	9,4	PT vận tải thuộc sở hữu của TNHH MTV TCO Logistics
TỔNG CỘNG	315.782.912.000				
Trong đó:					
Vay dài hạn	300.751.376.000				
Vay dài hạn đến hạn trả	15.031.536.000				

Công ty Cổ phần TCO Holdings

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	VND								
		Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			Tổng cộng
Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024									
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	187.110.000.000	29.926.933.100	2.781.094.734	-	95.755.017.616	315.573.045.450			
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	8.668.097.769	8.668.097.769			
Ngày 31 tháng 3 năm 2023	187.110.000.000	29.926.933.100	2.781.094.734	187.110.000.000	104.423.115.385	324.241.143.219			
Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025									
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	313.206.220.000	-	-	-	23.337.835.207	336.544.055.207			
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	33.223.371.496	33.223.371.496			
Ngày 31 tháng 3 năm 2025	313.206.220.000	-	-	-	56.561.206.703	369.767.426.703			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
Vốn cổ phần		
Số đầu kỳ	313.206.220.000	187.110.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<u>313.206.220.000</u>	<u>187.110.000.000</u>
Cổ tức đã chia		
Cổ tức đã trả bằng tiền	-	-
Cổ tức bằng cổ phiếu	-	-

22.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Cổ phiếu đăng ký phát hành	31.320.622	31.320.622
Cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	31.320.622	31.320.622
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	31.320.622	31.320.622

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết và không hạn chế.

22.4 Lãi trên mỗi cổ phiếu

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	33.223.371.496	8.668.097.769
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	<u>33.223.371.496</u>	<u>8.668.097.769</u>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	31.320.622	18.711.000
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ đã được điều chỉnh	31.320.622	18.711.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.061	463
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	1.061	463

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.5 Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát

	VND	
	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
Số đầu kỳ	390.986.980	2.599.302.756
Giảm do thanh lý công ty con	(82.548.989)	-
Cổ tức phải trả	(6.750.000)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	1.732.516	74.754.53
Số cuối kỳ	<u>303.420.507</u>	<u>2.674.057.292</u>

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
Doanh thu kinh doanh gạo và phụ phẩm	450.180.784.156	463.951.223.450
Doanh thu vận tải	28.545.527.238	27.956.071.518
Doanh thu cho thuê văn phòng	9.660.887.981	395.945.500
DOANH THU THUẦN	<u>488.387.199.375</u>	<u>492.303.240.468</u>

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
Lãi thoái vốn công ty con	47.365.014.924	-
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	359.892.759	2.094.506.850
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	181.189
TỔNG CỘNG	<u>47.724.897.683</u>	<u>2.094.688.039</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
Giá vốn kinh doanh gạo và phụ phẩm	447.425.890.830	444.434.886.150
Giá vốn dịch vụ vận tải	27.225.685.713	27.729.004.492
Giá vốn cho thuê văn phòng	1.872.113.079	15.008.500
TỔNG CỘNG	<u>476.523.689.622</u>	<u>472.178.899.142</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
Lãi vay ngân hàng	7.121.077.363	8.810.491.048
Lãi vay cá nhân	6.609.559.562	-
TỔNG CỘNG	13.730.636.925	8.810.491.048

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
Chi phí vật liệu, bao bì	-	2.050.540.000
Chi phí nhân viên	32.964.000	49.029.500
Khác	41.961.390	8.000.000
TỔNG CỘNG	74.925.390	2.107.569.500

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
Chi phí nhân viên	2.007.764.037	1.301.293.372
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.746.328.265	1.006.460.435
Chi phí khấu hao tài sản cố định	55.396.695	27.775.269
Phân bổ lợi thế thương mại	3.634.825.608	4.940.481.196
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(1.280.135.557)
Khác	89.849.693	407.873.483
TỔNG CỘNG	8.534.164.298	6.403.748.198

28. THU NHẬP KHÁC

	VND	
	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
Hoàn nhập dự phòng lỗ các hợp đồng bán hàng	2.600.000.000	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	7.324.526.030
Khác	1	839.762
TỔNG CỘNG	2.600.000.001	7.325.365.792

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>	<i>Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	470.704.143.653	471.825.180.908
Chi phí nhân viên	3.712.724.128	2.810.954.158
Chi phí khấu hao, phân bổ lợi thế thương mại	9.152.646.969	7.209.805.626
Hoàn nhập các khoản dự phòng	-	(1.554.573.920)
Chi phí khác	1.563.264.560	398.850.068
TỔNG CỘNG	485.132.779.310	480.690.216.840

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>	<i>Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.603.159.408	3.478.329.342
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	-	-
TỔNG CỘNG	6.603.159.408	3.478.329.342

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan với Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần TCO Agri	Công ty con
Công ty Cổ phần TCO Real Estate	Công ty con
Công ty Cổ phần TCO Logistics	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên TCO Logistics	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An	Công ty con gián tiếp (đến ngày 31 tháng 3 năm 2025)
Công ty TNHH Đầu tư Enterprise	Công ty con gián tiếp
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Chủ tịch HĐQT, Thành viên Ủy ban Kiểm toán
Công ty Cổ phần Chế biến Lương Thực Sao Mới	Công ty có liên quan đến Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Anh Dũng	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế An	Kế toán trưởng
Bà Lữ Kiều An	Phụ trách quản trị
Bà Cao Thu Hằng	Trưởng ban Kiểm toán nội bộ (đến ngày 24 tháng 2 năm 2025)
Bà Cao Thị Mỹ Anh	Trưởng ban Kiểm toán nội bộ (từ ngày 24 tháng 2 năm 2025)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>	<i>Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024</i>
Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Công ty hoàn trả tiền mượn	57.104.327	1.870.000.000

Ông Nguyễn Thế An	Cổ tức được chia	4.050.000	-
-------------------	------------------	-----------	---

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu/ phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
----------------------	---------------------------	---------------------------------	----------------------------------

Phải thu ngắn hạn khác

Bà Lữ Kiều An	Chi phí văn phòng	-	496.800
		-	496.800

Phải trả ngắn hạn khác

Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Cho công ty mượn tiền	3.587.358.672	4.257.104.327
Ông Nguyễn Thế An	Cổ tức	8.640.000	4.590.000
		3.595.998.672	4.261.694.327

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao và tiền lương của các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Ủy ban Kiểm toán và Ban Kiểm toán Nội bộ trong kỳ như sau:

Cá nhân	Vị trí	VND	
		Tiền lương và thù lao	
		Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Chủ tịch HĐQT	15.000.000	-
Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT	112.628.616	107.585.916
Ông Trần Anh Dũng	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	9.000.000	9.000.000
Bà Cao Thu Hằng	Trưởng ban Kiểm toán nội bộ (đến ngày 24 tháng 2 năm 2025)	3.000.000	23.000.000
Bà Cao Thị Mỹ Anh	Trưởng ban Kiểm toán nội bộ (từ ngày 24 tháng 2 năm 2025)	17.156.250	-
Ông Nguyễn Thế An	Kế toán trưởng	194.400.000	180.004.883
Bà Lữ Kiều An	Phụ trách quản trị	58.320.000	53.966.264
TỔNG CỘNG		409.504.866	373.557.063

32. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng, kho bãi theo các hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
Dưới 1 năm	2.188.034.400	2.075.379.775
Từ 1 đến 5 năm	4.847.822.200	6.836.694.194
TỔNG CỘNG	7.035.856.600	8.912.073.969

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận theo khu vực địa lý không được trình bày.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	Kinh doanh thương mại, dịch vụ		Các khoản loại trừ	VND
	Sản xuất			Tổng cộng
Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	545.494.710.910	60.339.915.219	(117.447.426.754)	488.387.199.375
Doanh thu bộ phận	545.494.710.910	60.339.915.219	(117.447.426.754)	488.387.199.375
Chi phí bộ phận	(542.027.115.592)	(55.619.460.107)	112.513.796.389	(485.132.779.310)
Lợi nhuận bộ phận	3.467.595.318	4.720.455.112	(4.933.630.365)	3.254.420.065
Thu nhập tài chính				33.994.260.758
Thu nhập khác				2.579.582.597
Thuế TNDN hiện hành				(6.603.159.408)
Lợi ích cổ đông thiểu số				(1.732.516)
Lợi nhuận kế toán sau thuế				33.223.371.496
Tài sản bộ phận	353.491.477.874	1.010.041.362.547	-	1.363.532.840.421
Nợ phải trả bộ phận	327.022.234.665	666.439.758.546	-	993.461.993.211

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

	Sản xuất	Kinh doanh thương mại, dịch vụ	Các khoản loại trừ	Tổng cộng
Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	464.287.234.450	29.379.951.268	(1.363.945.250)	492.303.240.468
Doanh thu bộ phận	464.287.234.450	29.379.951.268	(1.363.945.250)	492.303.240.468
Chi phí bộ phận	(448.304.946.973)	(28.808.733.921)	(3.576.535.946)	(480.690.216.840)
Lỗ bộ phận	15.982.287.477	571.217.347	(4.940.481.196)	11.613.023.628
Thu nhập tài chính				(6.715.803.009)
Thu nhập khác				7.323.961.028
Thuế TNDN hiện hành				(3.478.329.342)
Lợi ích cổ đông thiểu số				(74.754.536)
Lợi nhuận kế toán sau thuế				8.668.097.769
Tài sản bộ phận	1.414.919.324.534	702.033.459.237	(446.648.700.784)	1.670.304.082.987
Nợ phải trả bộ phận	1.290.264.773.238	51.014.966.681	3.965.502.224	1.345.245.242.143

34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất cho giai ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Nhóm Công ty.



Nguyễn Việt Ảnh
Người lập



Nguyễn Thế An
Kế toán trưởng



Bùi Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 4 năm 2025